

Số: 581/TB-CDKTCN

Khánh Hòa, ngày 02 tháng 10 năm 2025

**THÔNG BÁO**  
**Danh sách đóng học phí học kỳ I, năm học 2025 – 2026;**

Căn cứ Quyết định số 126/QĐ-CDKTCN ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 752/QĐ-CDKTCN ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc quy định mức thu học phí năm học 2022-2023 đến năm 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 237/QĐ-CDKTCN ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc Phê duyệt học sinh, sinh viên thuộc đối tượng miễn, giảm học phí học kỳ I (đợt 1), năm học 2025-2026;

Hiệu trưởng thông báo danh sách đóng học phí học kỳ I, năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

(Danh sách đính kèm)

Trên đây là thông báo danh sách đóng học phí học kỳ I, năm học 2025-2026 gửi đến các đơn vị, cá nhân liên quan và HSSV được biết và thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám Hiệu (báo cáo);
- Khoa, NGCN (thực hiện);
- Phòng: QTCL-HSSV, TC-TC (thực hiện);
- HSSV (thực hiện);
- Công thông tin điện tử trường;
- Cổng thông tin HSSV;
- Lưu: VT, TC-TC, QTCL-HSSV.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Ths. Nguyễn Văn Lực**

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-CBMA18**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/TB- CĐKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

| STT | Mã SV       | Họ đệm          | Tên    | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|-----------------|--------|------------|-------------|------------|-----------|
| 1   | CDCBMA18A02 | Nguyễn Quốc     | Anh    | 23/09/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 2   | CDCBMA18A07 | Đỗ Xuân         | Dương  | 23/08/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 3   | CDCBMA18A08 | Trần Đình       | Kỳ     | 17/12/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 4   | CDCBMA18A12 | Nguyễn Thị Hoài | My     | 27/05/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 5   | CDCBMA18A13 | Trần Võ Hoài    | Nam    | 02/04/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 6   | CDCBMA18A14 | Phan Công       | Ngọc   | 25/08/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 7   | CDCBMA18A15 | Phạm Văn        | Quý    | 24/07/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 8   | CDCBMA18A16 | Nguyễn Mạnh     | Tiến   | 02/10/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 9   | CDCBMA18A18 | Nguyễn Thanh    | Tùng   | 15/05/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 10  | CDCBMA18A20 | Phan Kiến       | Tường  | 22/01/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 11  | CDCBMA18A21 | Trần Minh       | Thùy   | 29/01/1997 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 12  | CDCBMA18A22 | Võ Thị Ngọc     | Trà    | 15/11/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 13  | CDCBMA18A23 | Phạm Bá         | Trường | 12/07/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 14  | CDCBMA18A24 | Võ Quốc         | Việt   | 22/04/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |

Danh sách này có 14 SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-CBTP18**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/ TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang )

| STT | Mã SV       | Họ đệm           | Tên  | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|------------------|------|------------|-------------|------------|-----------|
| 1   | CDCBTP18A02 | Nguyễn Trương Mỹ | Kim  | 07/01/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 2   | CDCBTP18A03 | Trần Lê Mỹ       | Kim  | 16/10/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 3   | CDCBTP18A05 | Nguyễn Trà       | My   | 01/03/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 4   | CDCBTP18A08 | Thái Thị         | Thủy | 15/09/1978 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 5   | CDCBTP18A10 | Thị              | Ý    | 08/03/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |

Danh sách này có **05** SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-CGKL18**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

| STT | Mã SV       | Họ đệm         | Tên   | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|----------------|-------|------------|-------------|------------|-----------|
| 1   | CDCGKL18A01 | Đào Quốc       | An    | 13/01/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 2   | CDCGKL18A02 | Nguyễn Ngô Gia | Bình  | 30/03/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 3   | CDCGKL18A05 | Hồ Thanh       | Hải   | 06/10/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 4   | CDCGKL18A06 | Nguyễn Huy     | Hùng  | 14/12/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 5   | CDCGKL18A07 | Nguyễn Nhi     | Hùng  | 03/09/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 6   | CDCGKL18A08 | Trương Quốc    | Huy   | 03/12/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 7   | CDCGKL18A09 | Lê Quang       | Hưng  | 24/03/1986 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 8   | CDCGKL18A10 | Mai Ka         | Ka    | 05/12/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 9   | CDCGKL18A11 | Nguyễn Đăng    | Khoa  | 02/07/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 10  | CDCGKL18A12 | Trần Lê Trung  | Lập   | 01/05/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 11  | CDCGKL18A14 | Nguyễn Chung   | Nhân  | 03/06/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 12  | CDCGKL18A15 | Võ Thành       | Nhiên | 11/02/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 13  | CDCGKL18A16 | Nguyễn Anh     | Quân  | 07/10/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 14  | CDCGKL18A17 | Phạm Anh       | Quốc  | 18/01/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 15  | CDCGKL18A19 | Võ Thành       | Tiến  | 13/03/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 16  | CDCGKL18A20 | Võ Thành       | Tiến  | 08/05/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 17  | CDCGKL18A21 | Lê Anh         | Tú    | 17/12/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 18  | CDCGKL18A22 | Lê Minh        | Thuận | 25/12/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 19  | CDCGKL18A23 | Võ Quốc        | Việt  | 17/08/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 20  | CDCGKL18A24 | Nguyễn Cảnh    | Vinh  | 06/08/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |

Danh sách này có **20** SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-ĐĐT18**  
*(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang )*

| STT | Mã SV       | Họ đệm          | Tên    | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|-----------------|--------|------------|-------------|------------|-----------|
| 1   | CDCNDT18A01 | Bùi Phạm Tài    | Anh    | 17/10/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 2   | CDCNDT18A02 | Đạo Thập        | Anh    | 04/01/1996 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 3   | CDCNDT18A03 | Phạm Ngọc       | Bảo    | 06/07/2004 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 4   | CDCNDT18A04 | Nguyễn Huy      | Bình   | 27/01/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 5   | CDCNDT18A06 | Trần Ngọc       | Châu   | 02/12/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 6   | CDCNDT18A07 | Huỳnh Ngọc      | Dũng   | 29/10/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 7   | CDCNDT18A08 | Nguyễn Đình     | Duy    | 24/04/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 8   | CDCNDT18A09 | Nguyễn Hữu      | Ghi    | 30/10/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 9   | CDCNDT18A10 | Nguyễn Nhật     | Hoàng  | 31/08/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 10  | CDCNDT18A12 | Nguyễn Mạnh     | Khang  | 29/04/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 11  | CDCNDT18A15 | Đỗ Lâm Nhật     | Long   | 04/03/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 12  | CDCNDT18A16 | Nguyễn Đỗ Thiên | Long   | 04/02/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 13  | CDCNDT18A17 | Nguyễn Tấn      | Lộc    | 30/03/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 14  | CDCNDT18A18 | Phạm Nguyễn Tấn | Lợi    | 25/11/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 15  | CDCNDT18A19 | Kator Sĩ        | Luôn   | 13/12/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 16  | CDCNDT18A20 | Lương Hoàng     | Mỹ     | 11/06/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 17  | CDCNDT18A21 | Phạm Hoài       | Nam    | 08/10/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 18  | CDCNDT18A22 | Nguyễn Trần Tấn | Nguyên | 29/07/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 19  | CDCNDT18A23 | Cù Tấn Thành    | Nhân   | 21/07/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 20  | CDCNDT18A24 | Nguyễn Thành    | Nhân   | 04/11/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 21  | CDCNDT18A25 | Đỗ Trần Trịnh   | Phong  | 31/12/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 22  | CDCNDT18A26 | Lê Khải         | Phong  | 21/09/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 23  | CDCNDT18A29 | Phạm Trần Phú   | Quý    | 24/06/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 24  | CDCNDT18A30 | Lê Nhật         | Son    | 25/02/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 25  | CDCNDT18A31 | Biện Ngọc       | Thành  | 24/01/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |

| STT | Mã SV       | Họ đệm       | Tên    | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|--------------|--------|------------|-------------|------------|-----------|
| 26  | CDCNDT18A32 | Bùi Văn      | Thịnh  | 14/10/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 27  | CDCNDT18A34 | Nguyễn Văn   | Trãi   | 21/04/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 28  | CDCNDT18A35 | Kinh Quang   | Triệu  | 01/06/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 29  | CDCNDT18A36 | Nguyễn Nhật  | Trường | 13/10/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 30  | CDCNDT18A38 | Nguyễn Hoàng | Vỹ     | 24/06/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |

Danh sách này có **30** SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-CNOT18A**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang )

| STT | Mã SV       | Họ đệm          | Tên    | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|-----------------|--------|------------|-------------|------------|-----------|
| 1   | CDCNOT17A20 | Nguyễn Quốc     | Phong  | 09/10/2004 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 2   | CDCNOT18A01 | Nguyễn Thanh    | An     | 21/02/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 3   | CDCNOT18A02 | Lê Gia          | Bách   | 22/01/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 4   | CDCNOT18A03 | Trịnh Quốc      | Bình   | 13/08/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 5   | CDCNOT18A05 | Lê Anh          | Duy    | 28/12/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 6   | CDCNOT18A06 | Nguyễn Thanh    | Duy    | 15/03/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 7   | CDCNOT18A07 | Huỳnh Hà Chương | Đại    | 27/12/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 8   | CDCNOT18A10 | Lê Phong        | Hào    | 07/06/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 9   | CDCNOT18A12 | Nguyễn Trọng    | Hiếu   | 17/04/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 10  | CDCNOT18A13 | Mai Văn         | Hùng   | 14/04/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 11  | CDCNOT18A14 | Huỳnh Thanh     | Huy    | 12/01/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 12  | CDCNOT18A16 | Lê Gia          | Khang  | 10/12/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 13  | CDCNOT18A18 | Phạm Đăng       | Khôi   | 11/03/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 14  | CDCNOT18A19 | Nguyễn Hoàng    | Lâm    | 25/06/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 15  | CDCNOT18A20 | Trần Mạnh       | Linh   | 09/01/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 16  | CDCNOT18A24 | Trần Đức Anh    | Minh   | 18/02/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 17  | CDCNOT18A25 | Đàm Tấn         | Nguyên | 04/01/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 18  | CDCNOT18A27 | Nguyễn Minh     | Nhật   | 27/09/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 19  | CDCNOT18A29 | Nguyễn Hoàng    | Phú    | 11/11/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 20  | CDCNOT18A30 | Hồ Trọng        | Phúc   | 05/09/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 21  | CDCNOT18A32 | Từ Hữu          | Quân   | 11/08/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 22  | CDCNOT18A33 | Mạc Hoàng       | Sa     | 21/02/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 23  | CDCNOT18A34 | Phạm Trí        | Tài    | 12/02/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 24  | CDCNOT18A36 | Phạm Ngọc       | Tiến   | 14/03/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 25  | CDCNOT18A37 | Nguyễn Trung    | Tín    | 25/02/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 26  | CDCNOT18A38 | Nguyễn Hữu      | Toàn   | 20/02/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 27  | CDCNOT18A39 | Trần Ngọc       | Thạch  | 18/03/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |

| STT | Mã SV       | Họ đệm          | Tên    | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|-----------------|--------|------------|-------------|------------|-----------|
| 28  | CDCNOT18A40 | Nguyễn Đắc      | Thông  | 30/04/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 29  | CDCNOT18A41 | Nguyễn Văn      | Trường | 14/09/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 30  | CDCNOT18A42 | Nguyễn Hoàn     | Vũ     | 28/09/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 31  | CDCNOT18A43 | Dương Đình Nhất | Quang  | 01/08/2004 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |

Danh sách này có **31** SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-CNOT18B**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/ TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang )

| STT | Mã SV       | Họ đệm          | Tên    | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|-----------------|--------|------------|-------------|------------|-----------|
| 1   | CDCNOT18B01 | Hồ Đức          | Bảo    | 19/04/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 2   | CDCNOT18B02 | Trương Đình     | Chương | 14/10/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 3   | CDCNOT18B03 | Ngô Xuân        | Danh   | 27/01/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 4   | CDCNOT18B04 | Nguyễn Đăng     | Doanh  | 05/12/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 5   | CDCNOT18B05 | Nguyễn Hùng     | Dũng   | 04/11/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 6   | CDCNOT18B07 | Nguyễn Gia      | Đạt    | 22/06/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 7   | CDCNOT18B08 | Nguyễn Quốc     | Hải    | 30/04/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 8   | CDCNOT18B09 | Nguyễn Duy Khải | Hoàng  | 18/02/2003 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 9   | CDCNOT18B11 | Lê Văn          | Huy    | 28/10/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 10  | CDCNOT18B12 | Nguyễn Bảo      | Khang  | 07/09/2005 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 11  | CDCNOT18B13 | Nguyễn Việt     | Khoa   | 29/01/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 12  | CDCNOT18B15 | Nguyễn Đức      | Lập    | 11/01/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 13  | CDCNOT18B16 | Võ Nhật         | Linh   | 09/01/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 14  | CDCNOT18B17 | Nguyễn Bảo      | Luân   | 30/01/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 15  | CDCNOT18B19 | Nguyễn Trọng    | Lực    | 04/06/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 16  | CDCNOT18B20 | Vũ Ngọc         | Minh   | 02/10/2001 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 17  | CDCNOT18B21 | Lưu Hồng        | Nam    | 29/01/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 18  | CDCNOT18B23 | Trần Minh       | Nguyên | 18/09/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 19  | CDCNOT18B24 | Nguyễn Thiện    | Nhân   | 09/10/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 20  | CDCNOT18B26 | Nguyễn Huỳnh    | Phúc   | 10/07/2003 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 21  | CDCNOT18B27 | Nguyễn Anh      | Quân   | 06/06/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 22  | CDCNOT18B29 | Đỗ Thành        | Sang   | 02/08/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 23  | CDCNOT18B30 | Lưu Văn         | Sự     | 28/07/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 24  | CDCNOT18B31 | Võ Thành        | Tân    | 26/10/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 25  | CDCNOT18B32 | Trần Văn        | Tiến   | 22/05/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 26  | CDCNOT18B33 | Võ Quốc         | Tĩnh   | 01/01/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 27  | CDCNOT18B34 | Hà Anh          | Tuấn   | 30/06/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |

| STT | Mã SV       | Họ đệm       | Tên   | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|--------------|-------|------------|-------------|------------|-----------|
| 28  | CDCNOT18B35 | Phạm Anh     | Tuấn  | 05/06/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 29  | CDCNOT18B37 | Nguyễn Huỳnh | Thiện | 23/06/2001 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 30  | CDCNOT18B38 | Hồ Bùi Thành | Thuận | 06/04/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 31  | CDCNOT18B41 | Lê Thanh     | Vinh  | 31/12/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 32  | CDCNOT18B42 | Nguyễn Thế   | Vỹ    | 01/01/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |

Danh sách này có **32** SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-CNOT18C**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang )

| STT | Mã SV       | Họ đệm           | Tên    | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|------------------|--------|------------|-------------|------------|-----------|
| 1   | CDCNOT18C01 | Ngô Quốc         | Anh    | 09/07/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 2   | CDCNOT18C02 | Phạm Nhật        | Bình   | 15/06/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 3   | CDCNOT18C04 | Mai Hữu          | Đang   | 13/08/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 4   | CDCNOT18C06 | Nguyễn Nhật      | Hào    | 18/04/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 5   | CDCNOT18C08 | Phan Phúc        | Hoàng  | 31/07/2005 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 6   | CDCNOT18C09 | Nguyễn Nhật      | Huy    | 22/03/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 7   | CDCNOT18C10 | Phạm Trung       | Kiên   | 25/09/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 8   | CDCNOT18C13 | Bạch Quốc        | Khánh  | 18/06/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 9   | CDCNOT18C14 | Ngô Ngọc Minh    | Khôi   | 17/10/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 10  | CDCNOT18C15 | Trần Văn         | Lâm    | 03/07/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 11  | CDCNOT18C16 | Võ Tấn           | Liêm   | 14/08/2004 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 12  | CDCNOT18C17 | Nguyễn Tấn       | Lộc    | 17/03/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 13  | CDCNOT18C18 | Lê Thành         | Luận   | 13/06/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 14  | CDCNOT18C19 | Phan Văn         | Minh   | 20/09/2004 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 15  | CDCNOT18C20 | Nguyễn Ngọc Hoài | Nghiêm | 19/06/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 16  | CDCNOT18C21 | Huỳnh Văn        | Nguyên | 23/07/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 17  | CDCNOT18C23 | Huỳnh Ngô Gia    | Phong  | 19/08/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 18  | CDCNOT18C24 | Đinh Quốc        | Phú    | 16/08/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 19  | CDCNOT18C25 | Hồ Minh          | Quân   | 14/11/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 20  | CDCNOT18C26 | Nguyễn Hoàng     | Quân   | 21/12/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 21  | CDCNOT18C27 | Không Trịnh Minh | Quyền  | 12/08/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 22  | CDCNOT18C28 | Phạm Ngọc        | Sang   | 20/11/2004 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 23  | CDCNOT18C29 | Ngô Văn Thái     | Son    | 12/01/2003 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 24  | CDCNOT18C30 | Tô Phạm Anh      | Tài    | 09/09/2001 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 25  | CDCNOT18C31 | Lê Quốc          | Tiến   | 21/04/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 26  | CDCNOT18C32 | Huỳnh Phạm Trọng | Tín    | 26/05/2003 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 27  | CDCNOT18C33 | Lê Ngọc Minh     | Toàn   | 03/06/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |

| STT | Mã SV       | Họ đệm       | Tên   | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|--------------|-------|------------|-------------|------------|-----------|
| 28  | CDCNOT18C34 | Nguyễn Hữu   | Tú    | 18/07/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 29  | CDCNOT18C36 | Trần Tấn     | Thanh | 27/08/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 30  | CDCNOT18C39 | Nguyễn Hoàng | Trí   | 19/11/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 31  | CDCNOT18C40 | Đỗ Đức       | Trọng | 29/03/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 32  | CDCNOT18C41 | Nguyễn Quốc  | Việt  | 19/04/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 33  | CDCNOT18C42 | Lê Văn Tuấn  | Vũ    | 16/12/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |

Danh sách này có **33** SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-CNTT18A**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/ TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang )

| STT | Mã SV       | Họ đệm           | Tên    | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|------------------|--------|------------|-------------|------------|-----------|
| 1   | CDCNTT18A01 | Đoàn Mai Nhật    | Anh    | 25/11/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 2   | CDCNTT18A02 | Lưu Huỳnh Đức    | Anh    | 05/12/2005 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 3   | CDCNTT18A03 | Nguyễn Lê Duy    | Anh    | 24/05/2003 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 4   | CDCNTT18A04 | Võ Duy           | Anh    | 05/05/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 5   | CDCNTT18A05 | Đỗ Trung Ngọc    | Bảo    | 29/08/2004 | 4.700.000   | 4.700.000  |           |
| 6   | CDCNTT18A06 | Trần Gia         | Bảo    | 18/09/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 7   | CDCNTT18A07 | Nguyễn Thành     | Danh   | 07/12/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 8   | CDCNTT18A10 | Đỗ Chí           | Đức    | 15/09/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 9   | CDCNTT18A12 | Nguyễn Hoàng     | Hải    | 05/01/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 10  | CDCNTT18A13 | Phạm Hoàng       | Hải    | 01/03/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 11  | CDCNTT18A14 | Võ Thanh         | Hoài   | 22/11/2005 | 4.700.000   | 4.700.000  |           |
| 12  | CDCNTT18A16 | Nguyễn Quốc      | Huy    | 10/11/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 13  | CDCNTT18A17 | Trần Quốc        | Huy    | 22/08/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 14  | CDCNTT18A18 | Lâm Minh         | Khang  | 23/01/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 15  | CDCNTT18A19 | Nguyễn Bảo       | Khánh  | 21/11/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 16  | CDCNTT18A22 | Võ Thành         | Phúc   | 28/09/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 17  | CDCNTT18A23 | Nguyễn Anh       | Quân   | 04/03/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 18  | CDCNTT18A24 | Hà Văn           | Sâm    | 13/01/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 19  | CDCNTT18A25 | Nguyễn Trung Duy | Tân    | 30/10/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 20  | CDCNTT18A26 | Lê Hoàng Anh     | Tiên   | 10/05/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 21  | CDCNTT18A27 | Huỳnh Thanh      | Tùng   | 09/05/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 22  | CDCNTT18A30 | Rah Lan          | Thiên  | 24/08/2004 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 23  | CDCNTT18A31 | Võ Kim           | Trúc   | 10/09/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 24  | CDCNTT18A32 | Mang Thiên       | Trường | 27/06/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |

Danh sách này có 24 SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-CNTT18B**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/ TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang )

| STT | Mã SV       | Họ đệm           | Tên    | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|------------------|--------|------------|-------------|------------|-----------|
| 1   | CDCNTT18B01 | Võ Đức           | Anh    | 05/10/1999 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 2   | CDCNTT18B04 | A                | Chiến  | 07/02/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 3   | CDCNTT18B05 | Nguyễn Thành     | Danh   | 23/05/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 4   | CDCNTT18B06 | Nguyễn Đức       | Dương  | 28/09/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 5   | CDCNTT18B07 | Cao Bảo          | Đại    | 19/12/2005 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 6   | CDCNTT18B08 | Lê Phát          | Đạt    | 23/03/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 7   | CDCNTT18B09 | Võ Tiến          | Đạt    | 03/03/2004 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 8   | CDCNTT18B10 | Hồ Sỹ Ngọc       | Hải    | 08/08/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 9   | CDCNTT18B12 | Phạm Ngọc        | Hiếu   | 14/10/2004 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 10  | CDCNTT18B13 | Bo Mang Quốc     | Hoàng  | 14/09/2003 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 11  | CDCNTT18B14 | Nguyễn Anh       | Kiệt   | 13/04/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 12  | CDCNTT18B16 | Lê Ngọc          | Khôi   | 06/01/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 13  | CDCNTT18B17 | Nguyễn Thành     | Long   | 01/06/2005 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 14  | CDCNTT18B18 | A                | Nguyên | 16/10/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 15  | CDCNTT18B19 | Trần Lưu Bắc     | Nhã    | 18/11/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 16  | CDCNTT18B21 | Trương Quang     | Pháp   | 11/07/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 17  | CDCNTT18B23 | Nguyễn Trần Nhật | Tiến   | 02/06/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 18  | CDCNTT18B25 | Nguyễn Đức       | Thành  | 26/04/2004 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 19  | CDCNTT18B27 | Lê Trần          | Thạnh  | 05/10/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 20  | CDCNTT18B29 | Cao Văn          | Thượng | 17/09/2003 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 21  | CDCNTT18B33 | Trần Huỳnh       | Vũ     | 11/10/2001 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |

Danh sách này có 21 SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CĐ-ĐCN18A**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/ TB- CĐKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang )

| STT | Mã SV       | Họ đệm           | Tên    | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|------------------|--------|------------|-------------|------------|-----------|
| 1   | CDDICN18A01 | Trần Văn         | Bính   | 15/12/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 2   | CDDICN18A02 | Uông Ngọc        | Cường  | 04/12/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 3   | CDDICN18A04 | Hồ Anh           | Đức    | 14/10/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 4   | CDDICN18A06 | Nguyễn Võ Đăng   | Khoa   | 09/10/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 5   | CDDICN18A07 | Lê Đăng          | Khôi   | 18/11/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 6   | CDDICN18A08 | Phan Thành       | Long   | 10/04/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 7   | CDDICN18A10 | Võ Đức           | Nguyên | 11/03/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 8   | CDDICN18A12 | Trịnh Hoàng      | Phong  | 26/02/2003 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 9   | CDDICN18A13 | Nguyễn Phan Hữu  | Phước  | 18/09/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 10  | CDDICN18A15 | Nguyễn Thanh     | Quốc   | 14/02/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 11  | CDDICN18A16 | Trương Minh      | Tài    | 26/02/2002 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 12  | CDDICN18A21 | Cao Thành        | Vinh   | 03/06/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 13  | CDDICN18B03 | Lê Trần Nhất     | Duy    | 17/09/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 14  | CDDICN18B04 | Nguyễn Ngọc Bảo  | Duy    | 05/06/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 15  | CDDICN18B07 | Nguyễn Võ Thanh  | Hưng   | 26/08/1996 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 16  | CDDICN18B09 | Võ Kim Minh      | Khôi   | 24/11/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 17  | CDDICN18B11 | Nguyễn Đức       | Lực    | 07/03/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 18  | CDDICN18B15 | Phạm Trí         | Toàn   | 04/11/2006 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 19  | CDDICN18B16 | Nguyễn Trần Tiến | Thắng  | 24/07/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 20  | CDDICN18B17 | Nguyễn Đức       | Trọng  | 18/05/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 21  | CDDICN18B18 | Trương Văn       | Trường | 17/07/2005 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 22  | CDDICN18B19 | Đặng Quang       | Vinh   | 11/04/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 23  | CDDICN18B20 | Lê Hoàng         | Vũ     | 05/01/1999 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |

Danh sách này có **23** SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-HDDL18**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/ TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang )

| STT | Mã SV       | Họ đệm          | Tên   | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|-----------------|-------|------------|-------------|------------|-----------|
| 1   | CDHDDL18A05 | Nguyễn Tấn      | Hoàng | 02/09/2006 | 4.300.000   | 3.010.000  | 1.290.000 |
| 2   | CDHDDL18A08 | Trần Xuân       | Như   | 05/02/2006 | 4.300.000   | 3.010.000  | 1.290.000 |
| 3   | CDHDDL18A10 | Lê Văn          | Quân  | 21/04/2004 | 4.300.000   |            | 4.300.000 |
| 4   | CDHDDL18A12 | Vũ Quang        | Thắng | 01/12/2006 | 4.300.000   | 3.010.000  | 1.290.000 |
| 5   | CDHDDL18A13 | Nguyễn Lê Phước | Thịnh | 20/10/2006 | 4.300.000   | 3.010.000  | 1.290.000 |

Danh sách này có **05** SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-KTDN18**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/ TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

| STT | Mã SV       | Họ đệm              | Tên   | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|---------------------|-------|------------|-------------|------------|-----------|
| 1   | CDKTDN17A01 | Phan Nguyên         | Khoa  | 20/06/1994 | 4.300.000   |            | 4.300.000 |
| 2   | CDKTDN18A01 | Trần Văn            | Danh  | 16/03/1997 | 4.300.000   |            | 4.300.000 |
| 3   | CDKTDN18A02 | Nguyễn Hậu Như      | Đức   | 26/06/2006 | 4.300.000   |            | 4.300.000 |
| 4   | CDKTDN18A03 | Lê Phương           | Nghi  | 27/07/2006 | 4.300.000   |            | 4.300.000 |
| 5   | CDKTDN18A04 | Lê Thị Yến          | Nhi   | 15/08/2005 | 4.300.000   |            | 4.300.000 |
| 6   | CDKTDN18A05 | Nguyễn Thị Ngô Xuân | Quỳnh | 07/04/2006 | 4.300.000   |            | 4.300.000 |
| 7   | CDKTDN18A07 | Nguyễn Ngọc Thanh   | Vân   | 27/05/2006 | 4.300.000   |            | 4.300.000 |
| 8   | CDKTDN18A08 | Lê Thị              | Vi    | 30/04/2003 | 4.300.000   |            | 4.300.000 |

Danh sách này có **08** SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-KTML18A**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/ TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang )

| STT | Mã SV       | Họ đệm       | Tên    | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|--------------|--------|------------|-------------|------------|-----------|
| 1   | CDKTML18A01 | Trần Đức     | Anh    | 02/04/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 2   | CDKTML18A02 | Phùng Văn    | Cường  | 22/05/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 3   | CDKTML18A03 | Nguyễn Tấn   | Dũng   | 06/09/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 4   | CDKTML18A04 | Nguyễn Ngọc  | Duy    | 14/07/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 5   | CDKTML18A05 | Nguyễn Tiến  | Đạt    | 27/12/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 6   | CDKTML18A06 | Ngô Tấn      | Giang  | 03/11/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 7   | CDKTML18A07 | Nguyễn Phi   | Hậu    | 02/09/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 8   | CDKTML18A08 | Nguyễn Minh  | Hoàng  | 24/02/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 9   | CDKTML18A09 | Phan Ngọc Lê | Hoàng  | 03/11/2002 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 10  | CDKTML18A10 | Trần Văn     | Hoạt   | 21/12/2004 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 11  | CDKTML18A11 | Phạm Thành   | Huy    | 05/04/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 12  | CDKTML18A12 | Dương Chánh  | Hưng   | 14/12/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 13  | CDKTML18A13 | Nguyễn Trung | Kiên   | 19/12/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 14  | CDKTML18A15 | Nguyễn Thanh | Minh   | 08/05/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 15  | CDKTML18A16 | Lê Hoàng     | Phong  | 18/05/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 16  | CDKTML18A19 | Nguyễn Minh  | Tâm    | 11/08/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 17  | CDKTML18A20 | Lương Lý     | Tịnh   | 17/06/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 18  | CDKTML18A21 | Đặng Duy     | Thạch  | 18/11/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 19  | CDKTML18A24 | Trần Anh     | Thắng  | 23/10/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 20  | CDKTML18A25 | Nguyễn Quốc  | Thịnh  | 05/09/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 21  | CDKTML18A27 | Ngô Sinh     | Truyền | 02/10/2000 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |

Danh sách này có 21 SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-KTML18B**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang )

| STT | Mã SV       | Họ đệm            | Tên   | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|-------------------|-------|------------|-------------|------------|-----------|
| 1   | CDKTML18B01 | Nguyễn Huỳnh      | Bảo   | 10/04/2004 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 2   | CDKTML18B02 | Nguyễn Văn        | Bình  | 21/10/2002 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 3   | CDKTML18B03 | Đỗ Thái           | Dương | 20/12/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 4   | CDKTML18B04 | Nguyễn Văn        | Đạt   | 15/07/1991 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 5   | CDKTML18B05 | Nguyễn Anh        | Hào   | 19/02/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 6   | CDKTML18B07 | Huỳnh Văn         | Hiếu  | 10/06/2003 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 7   | CDKTML18B08 | Dụng Minh         | Hoàng | 15/02/2003 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 8   | CDKTML18B09 | Nguyễn Trọng      | Hoàng | 20/10/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 9   | CDKTML18B10 | Huỳnh Ngọc        | Huy   | 05/02/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 10  | CDKTML18B11 | Nguyễn Minh       | Huy   | 22/01/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 11  | CDKTML18B12 | Nguyễn Quốc       | Huy   | 06/11/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 12  | CDKTML18B13 | Trương Trần Quốc  | Huy   | 19/05/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 13  | CDKTML18B14 | Phạm Huy          | Khang | 11/01/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 14  | CDKTML18B15 | Hà Hoàng          | Ngân  | 18/12/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 15  | CDKTML18B16 | Nguyễn Thời       | Phong | 08/08/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 16  | CDKTML18B17 | Trần Ngọc         | Phú   | 30/08/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 17  | CDKTML18B18 | Nguyễn Khắc Minh  | Quân  | 26/04/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 18  | CDKTML18B19 | Nguyễn Huỳnh Minh | Tấn   | 17/10/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 19  | CDKTML18B20 | Nguyễn Tân        | Tiến  | 22/07/2001 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 20  | CDKTML18B21 | Nguyễn Thành      | Tín   | 14/02/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 21  | CDKTML18B22 | Nguyễn Kim        | Thạch | 08/08/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 22  | CDKTML18B24 | Cao Nguyễn Kỳ     | Thiên | 30/09/2004 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 23  | CDKTML18B26 | Nguyễn Quang      | Trung | 26/04/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 24  | CDKTML18B27 | Hồ Hoàng          | Viên  | 05/05/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |

Danh sách này có 24 SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-KTXD18**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

| STT | Mã SV       | Họ đệm             | Tên    | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|--------------------|--------|------------|-------------|------------|-----------|
| 1   | CDKTXD18A01 | Kiều Ngọc Hoàng    | Anh    | 07/09/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 2   | CDKTXD18A02 | Trần Đình          | Cường  | 11/01/1985 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 3   | CDKTXD18A04 | Nguyễn Quốc        | Đạt    | 08/03/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 4   | CDKTXD18A06 | Huỳnh Quốc         | Tuấn   | 18/02/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 5   | CDKTXD18A08 | Nguyễn Tô Thành    | Thuận  | 01/06/2006 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 6   | CDKTXD18A09 | Lương Nguyễn Quang | Trường | 30/11/2000 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 7   | CDKTXD18A10 | Nguyễn Ngọc Yến    | Vy     | 07/06/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |

Danh sách này có **07** SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-QTKS18**  
(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/ TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang )

| STT | Mã SV       | Họ đệm                | Tên    | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|-----------------------|--------|------------|-------------|------------|-----------|
| 1   | CDQTKS18A01 | Huỳnh Văn             | An     | 30/05/2006 | 4.300.000   |            | 4.300.000 |
| 2   | CDQTKS18A02 | Lê Gia                | Bảo    | 12/04/2006 | 4.300.000   |            | 4.300.000 |
| 3   | CDQTKS18A03 | Nguyễn Thanh          | Danh   | 08/10/2006 | 4.300.000   |            | 4.300.000 |
| 4   | CDQTKS18A05 | Nguyễn Thị Bích       | Dung   | 07/09/2005 | 4.300.000   |            | 4.300.000 |
| 5   | CDQTKS18A06 | Trần Thị Ánh          | Hoa    | 24/10/2006 | 4.300.000   |            | 4.300.000 |
| 6   | CDQTKS18A07 | Lê Nguyễn An          | Hòa    | 06/06/2006 | 4.300.000   | 4.300.000  |           |
| 7   | CDQTKS18A08 | Trần Phương           | Hoài   | 30/04/2004 | 4.300.000   |            | 4.300.000 |
| 8   | CDQTKS18A09 | Nguyễn Phan Vân       | Khánh  | 09/09/2006 | 4.300.000   |            | 4.300.000 |
| 9   | CDQTKS18A10 | Huỳnh Phương          | Linh   | 20/05/2006 | 4.300.000   |            | 4.300.000 |
| 10  | CDQTKS18A11 | Mẫu Hồng Thị          | Nghiêm | 21/06/2006 | 4.300.000   |            | 4.300.000 |
| 11  | CDQTKS18A12 | Phan Hà               | Phương | 31/01/2006 | 4.300.000   |            | 4.300.000 |
| 12  | CDQTKS18A13 | Nguyễn Công           | Sang   | 08/07/2001 | 4.300.000   |            | 4.300.000 |
| 13  | CDQTKS18A15 | Nguyễn Đức            | Thịnh  | 24/11/2006 | 4.300.000   |            | 4.300.000 |
| 14  | CDQTKS18A16 | Bùi Thị Ngọc          | Thom   | 19/04/2006 | 4.300.000   |            | 4.300.000 |
| 15  | CDQTKS18A17 | Mẫu Thị Mai Phúc Ngọc | Trâm   | 10/08/2006 | 4.300.000   |            | 4.300.000 |
| 16  | CDQTKS18A18 | Nguyễn Ngọc           | Vương  | 25/12/2005 | 4.300.000   |            | 4.300.000 |
| 17  | CDQTKS18A19 | Bo Huyền Ngọc Yến     | Vy     | 20/11/2006 | 4.300.000   |            | 4.300.000 |
| 18  | CDQTKS18A20 | Lê Phan Quỳnh         | Như    | 10/08/2006 | 4.300.000   |            | 4.300.000 |

Danh sách này có **18** SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-CBMA17**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

| STT | Mã SV       | Họ đệm         | Tên   | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|----------------|-------|------------|-------------|------------|-----------|
| 1   | CDCBMA17A01 | Nguyễn Hải     | Đăng  | 05/08/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 2   | CDCBMA17A02 | Nguyễn Tấn     | Đức   | 25/09/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 3   | CDCBMA17A03 | Quách Thị Thái | Hà    | 16/02/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 4   | CDCBMA17A04 | Nguyễn Minh    | Hân   | 07/12/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 5   | CDCBMA17A06 | Nguyễn Hoàng   | Khang | 25/01/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 6   | CDCBMA17A07 | Thị            | Linh  | 24/02/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 7   | CDCBMA17A08 | Nguyễn Công    | Lộc   | 26/08/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 8   | CDCBMA17A09 | Nguyễn Tiến    | Lộc   | 24/03/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 9   | CDCBMA17A10 | Nguyễn Vũ Hoài | Phong | 17/10/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 10  | CDCBMA17A11 | Bùi Văn        | Tài   | 29/11/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 11  | CDCBMA17A12 | Nguyễn Hữu Trí | Tài   | 05/02/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 12  | CDCBMA17A13 | Huỳnh Võ Nhật  | Tú    | 06/11/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 13  | CDCBMA17A14 | Nguyễn Thanh   | Tuấn  | 08/04/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 14  | CDCBMA17A15 | Nguyễn Trương  | Thành | 10/01/2003 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 15  | CDCBMA17A16 | Nguyễn Trịnh   | Thảo  | 14/12/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 16  | CDCBMA17A17 | Hà Hữu         | Thịnh | 15/07/2004 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 17  | CDCBMA17A18 | Dương Văn Minh | Thuận | 12/05/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 18  | CDCBMA17A19 | Nguyễn Văn     | Trọng | 16/08/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 19  | CDCBMA17A20 | Phan Thị Ngọc  | Trúc  | 02/02/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 20  | CDCBMA17A21 | Mẫu Thị Yến    | Vi    | 28/12/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 21  | CDCBMA17A22 | Mang Thị Kim   | Xuân  | 24/08/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |

Danh sách này có 21SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CĐ-CBTP17**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/ TB- CĐKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang )

| STT | Mã SV       | Họ đệm          | Tên   | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|-----------------|-------|------------|-------------|------------|-----------|
| 1   | CDCBTP17A01 | Nguyễn Thái     | Bình  | 14/08/1999 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 2   | CDCBTP17A02 | Ngô Hùng        | Chiến | 26/08/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 3   | CDCBTP17A03 | Trần Thị Mỹ     | Hảo   | 02/11/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 4   | CDCBTP17A04 | Phạm Thị Bích   | Hồng  | 26/05/1990 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 5   | CDCBTP17A05 | Huỳnh Trung     | Huy   | 05/04/1999 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 6   | CDCBTP17A06 | Nguyễn Thị Trúc | Ly    | 25/10/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 7   | CDCBTP17A08 | Nguyễn Lê Hoài  | Ngọc  | 24/08/1993 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 8   | CDCBTP17A09 | Trần Tấn        | Phát  | 21/01/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 9   | CDCBTP17A10 | Phan Thị Ánh    | Sương | 02/05/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 10  | CDCBTP17A11 | Phan Thiên      | Tuyên | 15/01/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 11  | CDCBTP17A12 | Nguyễn Văn      | Thuận | 28/08/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 12  | CDCBTP17A13 | Võ Anh          | Thuận | 06/11/2004 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 13  | CDCBTP17A14 | Nguyễn Ngọc Anh | Thư   | 02/05/1994 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 14  | CDCBTP17A15 | Phan Thị Hoàng  | Trang | 03/11/1991 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |

Danh sách này có 14 SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-CGKL17**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/ TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang )

| STT | Mã SV       | Họ đệm        | Tên   | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|---------------|-------|------------|-------------|------------|-----------|
| 1   | CDCGKL17A01 | Nguyễn Trọng  | Ân    | 03/02/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 2   | CDCGKL17A02 | Bùi Trọng     | Cường | 05/01/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 3   | CDCGKL17A03 | Võ Tấn        | Đạt   | 20/04/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 4   | CDCGKL17A04 | Đỗ Cao        | Duy   | 21/11/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 5   | CDCGKL17A05 | Nguyễn Lương  | Huy   | 14/07/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 6   | CDCGKL17A06 | Phạm Quốc     | Khánh | 20/03/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 7   | CDCGKL17A09 | Nguyễn Thành  | Tài   | 01/02/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 8   | CDCGKL17A10 | Trần Đăng Đức | Tùng  | 07/03/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |

Danh sách này có **08** SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-ĐĐT17**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

| STT | Mã SV       | Họ đệm         | Tên    | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|----------------|--------|------------|-------------|------------|-----------|
| 1   | CDCNDT17A01 | Trương Thành   | Công   | 01/08/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 2   | CDCNDT17A02 | Phạm Đức       | Hiếu   | 10/03/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 3   | CDCNDT17A03 | Huỳnh Lâm      | Huy    | 08/05/2003 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 4   | CDCNDT17A04 | Phan Hoàng     | Khang  | 09/03/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 5   | CDCNDT17A05 | Trần Ngọc Duy  | Luân   | 15/11/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 6   | CDCNDT17A06 | Hoàng Tấn      | Lực    | 05/01/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 7   | CDCNDT17A07 | Hồ Nguyễn Hoài | Nam    | 03/07/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 8   | CDCNDT17A08 | Cao Thanh      | Phát   | 06/09/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 9   | CDCNDT17A09 | Nguyễn         | Phong  | 22/08/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 10  | CDCNDT17A10 | Trần Minh      | Phước  | 25/10/1999 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 11  | CDCNDT17A11 | Lê Minh        | Quyền  | 02/05/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 12  | CDCNDT17A12 | Phạm Văn       | Tài    | 11/08/1992 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 13  | CDCNDT17A13 | Phan Anh       | Thắng  | 10/01/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 14  | CDCNDT17A14 | Bùi Văn        | Thi    | 05/09/2003 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 15  | CDCNDT17A15 | Phan Huy       | Thuận  | 28/03/2002 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 16  | CDCNDT17A16 | Trần Minh      | Trung  | 26/05/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 17  | CDCNDT17A17 | Bùi Duy        | Trường | 23/09/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |

Danh sách này có 17 SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-CNOT17A**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

| STT | Mã SV       | Họ đệm         | Tên   | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|----------------|-------|------------|-------------|------------|-----------|
| 1   | CDCNOT17A01 | Nguyễn Hoàng   | Anh   | 19/07/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 2   | CDCNOT17A02 | Nguyễn Chấn    | Bảo   | 30/03/1999 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 3   | CDCNOT17A03 | Lưu Thành      | Công  | 02/10/2003 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 4   | CDCNOT17A04 | Phạm Tấn       | Danh  | 11/05/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 5   | CDCNOT17A05 | Hồ Lê Tiến     | Đạt   | 16/09/2003 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 6   | CDCNOT17A06 | Bùi Văn        | Đức   | 12/03/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 7   | CDCNOT17A07 | Huỳnh Nhật     | Hiếu  | 18/03/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 8   | CDCNOT17A08 | Huỳnh Công     | Hòa   | 24/04/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 9   | CDCNOT17A09 | Trần Đức       | Huy   | 11/09/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 10  | CDCNOT17A10 | Vũ Quang       | Huy   | 08/07/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 11  | CDCNOT17A11 | Trần Văn       | Kiệt  | 11/11/2003 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 12  | CDCNOT17A12 | Nguyễn Quốc    | Kha   | 15/12/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 13  | CDCNOT17A13 | Lê Công Nguyên | Khôi  | 06/09/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 14  | CDCNOT17A14 | Nguyễn Minh    | Khôi  | 18/01/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 15  | CDCNOT17A15 | Lê             | Lai   | 14/09/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 16  | CDCNOT17A16 | Võ Văn         | Ngọ   | 17/08/2002 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 17  | CDCNOT17A17 | Nguyễn Thành   | Nhân  | 29/08/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 18  | CDCNOT17A18 | Nguyễn Đức     | Phát  | 27/12/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 19  | CDCNOT17A19 | Huỳnh Minh     | Phong | 04/05/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 20  | CDCNOT17A21 | Bo Mang Hoàng  | Phúc  | 26/09/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 21  | CDCNOT17A22 | Nguyễn Tấn     | Quốc  | 06/05/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 22  | CDCNOT17A24 | Trần Xuân      | Tiến  | 11/09/2004 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 23  | CDCNOT17A25 | Lê Hữu         | Toàn  | 04/10/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 24  | CDCNOT17A26 | Nguyễn Thành   | Tuấn  | 06/08/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 25  | CDCNOT17A27 | Trần Quang     | Thành | 15/03/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 26  | CDCNOT17A28 | Trịnh Việt     | Thắng | 21/11/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |

| STT | Mã SV       | Họ đệm        | Tên   | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|---------------|-------|------------|-------------|------------|-----------|
| 27  | CDCNOT17A29 | Quý           | Thịnh | 30/07/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 28  | CDCNOT17A30 | Phan Trung    | Thông | 08/06/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 29  | CDCNOT17A31 | Trần Long     | Vĩ    | 18/04/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 30  | CDCNOT17A32 | Trần Lê Hoàng | Việt  | 29/09/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 31  | CDCNOT17A33 | Võ Hoàng      | Việt  | 14/06/2004 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 32  | CDCNOT17A34 | Nguyễn Long   | Vũ    | 09/06/2003 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |

Danh sách này có **32** SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-CNOT17B**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

| STT | Mã SV       | Họ đệm           | Tên    | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|------------------|--------|------------|-------------|------------|-----------|
| 1   | CDCNOT17B01 | Nguyễn Thanh     | An     | 11/03/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 2   | CDCNOT17B02 | Nguyễn Cao Thành | Bin    | 22/10/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 3   | CDCNOT17B03 | Phan Tấn         | Chon   | 12/10/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 4   | CDCNOT17B04 | Võ Thành Công    | Danh   | 15/04/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 5   | CDCNOT17B05 | Nguyễn Đoàn Anh  | Dũng   | 01/01/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 6   | CDCNOT17B06 | Kiều Quang       | Duy    | 26/08/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 7   | CDCNOT17B07 | Nguyễn Hữu       | Đạt    | 08/11/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 8   | CDCNOT17B09 | Phạm Ngọc Minh   | Đức    | 04/12/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 9   | CDCNOT17B10 | Lê Trung         | Hiếu   | 29/07/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 10  | CDCNOT17B12 | Tôn Huỳnh        | Hoàng  | 20/08/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 11  | CDCNOT17B14 | Nguyễn Thanh     | Huy    | 21/03/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 12  | CDCNOT17B16 | Lê Trung         | Kiên   | 19/04/2004 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 13  | CDCNOT17B17 | Nguyễn Đăng      | Kỳ     | 24/11/1999 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 14  | CDCNOT17B18 | Diệp Bảo         | Khang  | 24/07/2004 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 15  | CDCNOT17B19 | Ngô Bảo          | Khang  | 09/11/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 16  | CDCNOT17B20 | Ngô Chấn         | Khang  | 09/11/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 17  | CDCNOT17B21 | Phan Văn         | Khanh  | 27/08/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 18  | CDCNOT17B22 | Lê Văn           | Khôi   | 17/09/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 19  | CDCNOT17B23 | Nguyễn Thanh     | Long   | 08/08/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 20  | CDCNOT17B25 | Đồng Trọng       | Nghĩa  | 18/07/2000 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 21  | CDCNOT17B27 | Nguyễn Hoàng     | Phát   | 08/12/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 22  | CDCNOT17B28 | Phan Văn         | Phong  | 18/10/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 23  | CDCNOT17B29 | Trần Tiến        | Phước  | 05/05/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 24  | CDCNOT17B30 | Vũ Trần          | Tiến   | 18/09/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 25  | CDCNOT17B31 | Cù Anh           | Tuấn   | 25/12/1989 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 26  | CDCNOT17B32 | Võ Đại           | Thành  | 14/12/2003 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 27  | CDCNOT17B33 | Nguyễn Đình      | Thiên  | 23/05/2005 | 4.700.000   | 4.700.000  |           |
| 28  | CDCNOT17B34 | Lê Nguyễn Vĩnh   | Thọ    | 05/05/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 29  | CDCNOT17B35 | Đặng Việt        | Trường | 30/11/2004 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |

| STT | Mã SV       | Họ đệm    | Tên  | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|-----------|------|------------|-------------|------------|-----------|
| 30  | CDCNOT17B36 | Trần Quốc | Việt | 11/05/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 31  | CDCNOT17B37 | Lê Hoàng  | Vũ   | 11/07/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 32  | CDCNOT17B38 | Trần Thế  | Vũ   | 10/01/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |

Danh sách này có **32** SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-CNOT17C**  
(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/ TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang )

| STT | Mã SV       | Họ đệm           | Tên   | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|------------------|-------|------------|-------------|------------|-----------|
| 1   | CDCNOT17C01 | Lâm Hoàng        | Anh   | 16/02/2003 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 2   | CDCNOT17C02 | Trần Gia         | Bảo   | 05/06/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 3   | CDCNOT17C03 | Võ Khánh         | Chung | 27/01/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 4   | CDCNOT17C04 | Nguyễn Ngọc Đại  | Dương | 11/11/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 5   | CDCNOT17C05 | Ngô Trọng        | Đức   | 22/06/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 6   | CDCNOT17C06 | Nguyễn Ngọc      | Hải   | 06/07/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 7   | CDCNOT17C07 | Phan Ngọc        | Hiền  | 06/05/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 8   | CDCNOT17C08 | Đỗ Quốc          | Huy   | 05/04/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 9   | CDCNOT17C09 | Nguyễn Trần Ngọc | Huy   | 15/04/2003 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 10  | CDCNOT17C10 | Trần Tiến        | Huy   | 12/04/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 11  | CDCNOT17C12 | Lê Đức           | Kiệt  | 21/02/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 12  | CDCNOT17C13 | Võ Anh           | Kỳ    | 24/05/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 13  | CDCNOT17C14 | Đoàn Trí         | Khôi  | 27/09/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 14  | CDCNOT17C15 | Nguyễn Đặng Anh  | Luật  | 19/01/2003 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 15  | CDCNOT17C16 | Ngô Hoàng        | Nam   | 28/12/2003 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 16  | CDCNOT17C17 | Phạm Văn         | Nghĩa | 16/03/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 17  | CDCNOT17C18 | Mang             | Nhân  | 17/08/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 18  | CDCNOT17C20 | Phạm Tuấn        | Phong | 05/11/2000 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 19  | CDCNOT17C21 | Nguyễn           | Phúc  | 23/04/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 20  | CDCNOT17C23 | Cao Linh         | Tâm   | 26/06/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 21  | CDCNOT17C25 | Nguyễn Thanh     | Tuấn  | 23/05/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 22  | CDCNOT17C27 | Lê Tấn           | Thông | 26/07/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 23  | CDCNOT17C28 | Đoàn Hữu         | Thuận | 17/04/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 24  | CDCNOT17C29 | Ngô Trường       | Vũ    | 27/08/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 25  | CDCNOT17C30 | Tô Văn           | Vương | 03/04/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |

Danh sách này có 28 SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-CNTT17A**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang )

| STT | Mã SV       | Họ đệm           | Tên   | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền<br>MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|------------------|-------|------------|-------------|---------------|-----------|
| 1   | CDCNTT17A01 | Mai Hoàng        | Anh   | 10/06/2005 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 2   | CDCNTT17A02 | Nguyễn Trần Tiến | Anh   | 04/12/2005 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 3   | CDCNTT17A03 | Võ Gia           | Bảo   | 25/09/2005 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 4   | CDCNTT17A04 | Lê Quang         | Chiến | 04/02/2004 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 5   | CDCNTT17A05 | Trương Minh      | Danh  | 19/10/2005 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 6   | CDCNTT17A06 | Đoàn Phạm Tấn    | Dũng  | 20/05/2004 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 7   | CDCNTT17A07 | Lê Trần Bình     | Dương | 01/10/2000 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 8   | CDCNTT17A08 | Ký Hải           | Đăng  | 13/01/2005 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 9   | CDCNTT17A09 | Cao              | Đẹp   | 01/01/2003 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 10  | CDCNTT17A10 | Hoàng Trung      | Hải   | 05/09/2005 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 11  | CDCNTT17A11 | Đặng Minh        | Hoàng | 20/03/2005 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 12  | CDCNTT17A12 | Nguyễn Phi       | Hùng  | 04/09/2005 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 13  | CDCNTT17A13 | Lê Văn           | Huy   | 04/06/2005 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 14  | CDCNTT17A14 | Lưu Quốc         | Huy   | 21/04/2005 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 15  | CDCNTT17A15 | Phan Tấn         | Khải  | 30/12/2004 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 16  | CDCNTT17A16 | Phan Tuấn        | Khanh | 15/05/2005 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 17  | CDCNTT17A17 | Nguyễn Thành     | Khôi  | 30/10/2005 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 18  | CDCNTT17A18 | Đặng Thông       | Nghĩa | 23/08/2005 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 19  | CDCNTT17A19 | Lê Minh          | Nhật  | 07/12/2004 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 20  | CDCNTT17A20 | Nguyễn Trần Gia  | Phong | 17/07/2004 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 21  | CDCNTT17A21 | Võ Quốc          | Sự    | 17/11/2005 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 22  | CDCNTT17A22 | Hà Văn           | Tân   | 20/02/1998 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 23  | CDCNTT17A23 | Nguyễn Quốc      | Toàn  | 05/09/2005 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 24  | CDCNTT17A24 | Lê Văn           | Thành | 24/10/2004 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 25  | CDCNTT17A26 | Phạm Trương Đức  | Thiên | 08/09/2005 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |

| STT | Mã SV       | Họ đệm       | Tên   | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền<br>MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|--------------|-------|------------|-------------|---------------|-----------|
| 26  | CDCNTT17A27 | Phạm Minh    | Thịnh | 13/02/2005 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 27  | CDCNTT17A29 | So Hao Ha Mỹ | Trân  | 10/01/2005 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 28  | CDCNTT17A30 | Nguyễn Đức   | Trung | 02/01/2002 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |

Danh sách này có **28** SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-CNTT17B**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

| STT | Mã SV       | Họ đệm            | Tên    | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|-------------------|--------|------------|-------------|------------|-----------|
| 1   | CDCNTT17B01 | Nguyễn Lê Quốc    | Bảo    | 13/12/2004 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 2   | CDCNTT17B02 | Nguyễn Trung      | Bảo    | 07/12/2005 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 3   | CDCNTT17B03 | Huỳnh Ngọc        | Danh   | 09/07/2005 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 4   | CDCNTT17B04 | Đặng Trần Đăng    | Duy    | 12/10/2005 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 5   | CDCNTT17B05 | Nguyễn Anh        | Duy    | 16/06/2004 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 6   | CDCNTT17B06 | Nguyễn Ngọc Tùng  | Dương  | 15/04/2005 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 7   | CDCNTT17B07 | Phạm Thành        | Đạt    | 20/12/2004 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 8   | CDCNTT17B08 | Lê Vũ Gia         | Hào    | 08/02/2004 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 9   | CDCNTT17B09 | Đỗ Phi            | Hùng   | 09/10/2000 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 10  | CDCNTT17B10 | Huỳnh Tuấn        | Huy    | 25/07/2005 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 11  | CDCNTT17B11 | Trần Nguyễn Văn   | Huy    | 14/12/2005 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 12  | CDCNTT17B12 | Nguyễn Trọng      | Hữu    | 04/03/2004 | 4.700.000   | 4.700.000  |           |
| 13  | CDCNTT17B13 | Ngô Anh           | Kiệt   | 27/05/2004 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 14  | CDCNTT17B15 | Đỗ Anh            | Khoa   | 08/01/2005 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 15  | CDCNTT17B16 | Trần Phước        | Lành   | 06/05/2005 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 16  | CDCNTT17B17 | Trần Quốc         | Nam    | 17/09/2004 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 17  | CDCNTT17B18 | Đào Chấn          | Nghiệp | 30/05/2005 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 18  | CDCNTT17B19 | Nguyễn Vũ         | Nguyên | 13/05/2005 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 19  | CDCNTT17B20 | Nguyễn Thanh      | Phi    | 17/11/2005 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 20  | CDCNTT17B22 | Nguyễn Võ Duy     | Tân    | 27/08/2005 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 21  | CDCNTT17B23 | Trịnh Quốc        | Tuấn   | 31/05/2005 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 22  | CDCNTT17B24 | Võ Thành          | Tuyên  | 12/09/2005 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 23  | CDCNTT17B26 | Nguyễn Phước Minh | Trí    | 01/05/1997 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |

Danh sách này có **23** SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-ĐCN17A**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

| STT | Mã SV       | Họ đệm         | Tên    | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|----------------|--------|------------|-------------|------------|-----------|
| 1   | CDDICN17A01 | Huỳnh          | Chí    | 25/08/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 2   | CDDICN17A02 | Phan Võ Thành  | Danh   | 10/01/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 3   | CDDICN17A03 | Nguyễn Thành   | Đạt    | 08/01/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 4   | CDDICN17A04 | Phan Minh      | Hiệp   | 08/11/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 5   | CDDICN17A05 | Nguyễn Chí     | Hiếu   | 12/01/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 6   | CDDICN17A06 | Nguyễn Đức     | Huy    | 01/04/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 7   | CDDICN17A07 | Trần Anh       | Kiệt   | 21/12/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 8   | CDDICN17A08 | Phạm Lộc       | Khang  | 10/12/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 9   | CDDICN17A09 | Nguyễn Đăng    | Khoa   | 05/02/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 10  | CDDICN17A10 | Mai Văn        | Liêm   | 24/04/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 11  | CDDICN17A11 | Trần Quang     | Lực    | 11/08/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 12  | CDDICN17A12 | Nguyễn Công    | Lý     | 27/01/2000 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 13  | CDDICN17A13 | Đặng Hữu Phong | Minh   | 20/11/2004 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 14  | CDDICN17A14 | Huỳnh Tấn      | Minh   | 04/01/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 15  | CDDICN17A15 | Đinh Hiếu      | Nghĩa  | 17/08/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 16  | CDDICN17A16 | Nguyễn Trung   | Nguyên | 01/12/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 17  | CDDICN17A17 | Võ Tấn Thành   | Nhân   | 09/09/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 18  | CDDICN17A18 | Hồ Hữu         | Nhon   | 23/04/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 19  | CDDICN17A19 | Nguyễn Trường  | Phúc   | 28/12/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 20  | CDDICN17A20 | Trần Minh      | Quân   | 23/05/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 21  | CDDICN17A21 | Nguyễn Thành   | Son    | 05/11/2004 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 22  | CDDICN17A22 | Phạm Văn       | Tài    | 25/09/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 23  | CDDICN17A23 | Đỗ Đình        | Tâm    | 15/09/1998 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 24  | CDDICN17A24 | Lữ Kỳ          | Toàn   | 01/05/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 25  | CDDICN17A25 | Trương Thanh   | Tuấn   | 11/10/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 26  | CDDICN17A26 | Phạm Minh      | Tùng   | 11/11/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 27  | CDDICN17A27 | Nguyễn Phùng   | Thành  | 01/06/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |

| STT | Mã SV       | Họ đệm   | Tên    | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|----------|--------|------------|-------------|------------|-----------|
| 28  | CDDICN17A28 | Đoàn     | Thắng  | 11/12/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 29  | CDDICN17A29 | Đặng Đức | Thiện  | 07/08/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 30  | CDDICN17A30 | Lê Nhật  | Trường | 28/11/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |

Danh sách này có **30** SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CĐ-ĐCN17B**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/ TB- CĐKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang )

| STT | Mã SV       | Họ đệm          | Tên   | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền<br>MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|-----------------|-------|------------|-------------|---------------|-----------|
| 1   | CDDICN17B01 | Võ Văn          | Cảnh  | 17/06/2004 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 2   | CDDICN17B02 | Nguyễn Quốc     | Chí   | 12/02/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 3   | CDDICN17B03 | Lê Nguyễn Thành | Đạt   | 03/02/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 4   | CDDICN17B04 | Nguyễn Văn      | Đạt   | 22/10/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 5   | CDDICN17B05 | Tạ Công         | Hiếu  | 30/07/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 6   | CDDICN17B06 | Trần            | Hiếu  | 20/02/2004 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 7   | CDDICN17B07 | Nguyễn Văn      | Hoài  | 19/09/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 8   | CDDICN17B08 | Nguyễn Phi      | Hùng  | 14/09/2004 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 9   | CDDICN17B09 | Bùi Huỳnh Gia   | Huy   | 09/07/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 10  | CDDICN17B10 | Lê Quang        | Huy   | 17/10/2005 | 4.700.000   | 4.700.000     |           |
| 11  | CDDICN17B11 | Phạm Trung      | Kiên  | 09/06/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 12  | CDDICN17B12 | Võ Châu Tuấn    | Kiệt  | 23/11/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 13  | CDDICN17B13 | Nguyễn Lê       | Khải  | 21/02/2004 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 14  | CDDICN17B14 | Nguyễn Thái     | Lộc   | 28/06/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 15  | CDDICN17B15 | Nguyễn Trọng    | Nghĩa | 23/08/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 16  | CDDICN17B16 | Ngô Trọng       | Quyền | 25/10/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 17  | CDDICN17B17 | Trần            | Son   | 17/05/1988 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 18  | CDDICN17B18 | Nguyễn Hữu      | Tâm   | 07/12/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 19  | CDDICN17B19 | Phạm Kiều       | Tiên  | 28/08/2002 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 20  | CDDICN17B20 | Lê Quốc         | Thái  | 27/10/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 21  | CDDICN17B21 | Phạm Hữu        | Thắng | 13/02/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 22  | CDDICN17B22 | Nguyễn Thành    | Thiện | 23/02/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 23  | CDDICN17B23 | Hoàng Quốc      | Trung | 30/03/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 24  | CDDICN17B25 | Nguyễn Vũ Nhật  | Vin   | 29/10/1998 | 4.700.000   |               | 4.700.000 |
| 25  | CDDICN17B26 | Lê Trọng        | Vinh  | 19/06/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 26  | CDDICN17B27 | Rơ Mah          | Yăi   | 20/08/2004 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |

Danh sách này có 26 SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-KTDN17**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

| STT | Mã SV       | Họ đệm          | Tên   | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền<br>MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|-----------------|-------|------------|-------------|---------------|-----------|
| 1   | CDKTDN17A02 | Nguyễn Thị Ngọc | Quý   | 05/08/2003 | 4.300.000   |               | 4.300.000 |
| 2   | CDKTDN17A03 | Hồ Thị Anh      | Thư   | 23/01/2005 | 4.300.000   |               | 4.300.000 |
| 3   | CDKTDN17A04 | Võ Hà Khánh     | Trang | 29/09/2004 | 4.300.000   |               | 4.300.000 |
| 4   | CDKTDN17A05 | Nguyễn Thị Hiền | Trân  | 09/01/2005 | 4.300.000   |               | 4.300.000 |

Danh sách này có **04** SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-KTML17A**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang )

| STT | Mã SV       | Họ đệm            | Tên    | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền<br>MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|-------------------|--------|------------|-------------|---------------|-----------|
| 1   | CDKTML17A02 | Trần Quốc         | Bảo    | 25/04/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 2   | CDKTML17A04 | Lê Thành          | Đạt    | 07/09/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 3   | CDKTML17A05 | Nguyễn Minh       | Đức    | 23/03/1994 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 4   | CDKTML17A06 | Nguyễn Ngọc       | Hùng   | 19/10/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 5   | CDKTML17A07 | Mai Phúc          | Huy    | 16/11/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 6   | CDKTML17A08 | Phạm              | Lộc    | 16/06/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 7   | CDKTML17A09 | Lý Phi            | Lực    | 14/12/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 8   | CDKTML17A10 | Huỳnh Tấn         | Ninh   | 09/09/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 9   | CDKTML17A11 | Nguyễn Tuấn       | Nghĩa  | 02/08/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 10  | CDKTML17A12 | Trần Mai Anh      | Nguyên | 16/12/2004 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 11  | CDKTML17A13 | Trần Trọng Quốc   | Phong  | 01/01/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 12  | CDKTML17A14 | Nguyễn Văn        | Phước  | 08/11/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 13  | CDKTML17A15 | Phan Đặng Hoàng   | Son    | 03/05/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 14  | CDKTML17A16 | Nguyễn Thành      | Tâm    | 16/04/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 15  | CDKTML17A17 | Nguyễn Hoàng Minh | Thuận  | 17/05/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 16  | CDKTML17A19 | Trần Quốc         | Trung  | 31/07/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 17  | CDKTML17A20 | Nguyễn Quốc       | Việt   | 27/12/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |

Danh sách này có 17 SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-KTML17B**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)

| STT | Mã SV       | Họ đệm           | Tên   | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|------------------|-------|------------|-------------|------------|-----------|
| 1   | CDKTML17B01 | Mai Nguyễn Minh  | Anh   | 02/06/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 2   | CDKTML17B02 | Phan Văn         | Chiến | 26/07/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 3   | CDKTML17B03 | Phạm Minh        | Duy   | 23/05/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 4   | CDKTML17B04 | Nguyễn Văn       | Hòa   | 27/05/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 5   | CDKTML17B05 | Nguyễn Thành Bảo | Huân  | 02/07/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 6   | CDKTML17B06 | Phạm Đức         | Huy   | 04/10/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 7   | CDKTML17B07 | Trần Văn         | Kỳ    | 26/08/2002 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 8   | CDKTML17B10 | Lang Thanh       | Nhân  | 20/01/2004 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 9   | CDKTML17B11 | Hoàng Minh       | Phong | 05/07/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 10  | CDKTML17B12 | Huỳnh Tấn        | Phong | 22/02/2004 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 11  | CDKTML17B13 | Nguyễn Thành     | Phú   | 03/09/2004 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 12  | CDKTML17B14 | Nguyễn Minh      | Phúc  | 02/03/2002 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 13  | CDKTML17B15 | Trần Đại         | Phúc  | 17/07/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 14  | CDKTML17B16 | Thân Anh         | Quốc  | 09/02/2003 | 4.700.000   |            | 4.700.000 |
| 15  | CDKTML17B17 | Nguyễn Lê Bảo    | Tài   | 01/01/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 16  | CDKTML17B18 | Phạm Văn         | Tường | 30/07/2003 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 17  | CDKTML17B19 | Lê Nguyễn        | Thành | 26/12/2002 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 18  | CDKTML17B20 | Phạm Hoàng       | Thành | 20/04/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 19  | CDKTML17B21 | Nguyễn Hữu       | Thao  | 17/12/2004 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 20  | CDKTML17B22 | Võ               | Triều | 22/08/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 21  | CDKTML17B23 | Nguyễn Hữu       | Trung | 05/12/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |
| 22  | CDKTML17B24 | Lê Đức           | Việt  | 17/05/2005 | 4.700.000   | 3.290.000  | 1.410.000 |

Danh sách này có **22** SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-KTXD17**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/ TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang )

| STT | Mã SV       | Họ đệm             | Tên    | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền<br>MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|--------------------|--------|------------|-------------|---------------|-----------|
| 1   | CDKTXD17A01 | Nguyễn Trường Việt | Dũng   | 28/03/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 2   | CDKTXD17A02 | Phạm Khắc          | Đạt    | 22/06/2004 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 3   | CDKTXD17A03 | Nguyễn Lê Nhật     | Huy    | 01/03/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 4   | CDKTXD17A04 | Nguyễn Minh        | Khoa   | 17/01/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 5   | CDKTXD17A05 | Nguyễn Trí         | Lực    | 25/05/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 6   | CDKTXD17A06 | Phạm Quốc          | Nguyên | 12/01/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 7   | CDKTXD17A07 | Nguyễn Việt        | Nhân   | 30/07/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |
| 8   | CDKTXD17A08 | Trần Nhật          | Quang  | 26/06/2005 | 4.700.000   | 3.290.000     | 1.410.000 |

Danh sách này có **08** SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, LỚP CD-QTKS17**

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/ TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang )

| STT | Mã SV       | Họ đệm           | Tên    | Ngày sinh  | Mức học phí | Số tiền<br>MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|------------------|--------|------------|-------------|---------------|-----------|
| 1   | CDQTKS17A01 | Lê Thanh         | Bình   | 03/05/2005 | 4.300.000   |               | 4.300.000 |
| 2   | CDQTKS17A02 | Cao Mạnh         | Dũng   | 24/03/2005 | 4.300.000   |               | 4.300.000 |
| 3   | CDQTKS17A04 | Nguyễn Hùng      | Kiệt   | 05/10/2005 | 4.300.000   |               | 4.300.000 |
| 4   | CDQTKS17A05 | Nguyễn Hoàng     | Long   | 30/09/2000 | 4.300.000   |               | 4.300.000 |
| 5   | CDQTKS17A06 | Trương Đức       | Lộc    | 19/07/2005 | 4.300.000   |               | 4.300.000 |
| 6   | CDQTKS17A07 | Cà Ron           | Lúa    | 24/12/2004 | 4.300.000   |               | 4.300.000 |
| 7   | CDQTKS17A08 | Lê Gia Bảo       | Nguyên | 02/09/2005 | 4.300.000   |               | 4.300.000 |
| 8   | CDQTKS17A09 | Hoàng Nguyễn Lan | Phương | 22/11/2001 | 4.300.000   |               | 4.300.000 |
| 9   | CDQTKS17A10 | Nguyễn Ngọc      | Tiên   | 31/03/2004 | 4.300.000   |               | 4.300.000 |
| 10  | CDQTKS17A11 | Nguyễn Công      | Tứ     | 29/03/2004 | 4.300.000   |               | 4.300.000 |
| 11  | CDQTKS17A12 | Trần Thị Mỹ      | Thanh  | 10/02/2005 | 4.300.000   |               | 4.300.000 |
| 12  | CDQTKS17A13 | Trần Trung       | Thức   | 26/02/2004 | 4.300.000   |               | 4.300.000 |
| 13  | CDQTKS17A14 | Cao Vũ Tú        | Uyên   | 23/04/2005 | 4.300.000   |               | 4.300.000 |

Danh sách này có **13** SV

**DANH SÁCH ĐÓNG HỌC PHÍ HKI NĂM HỌC 2025-2026, HỆ TRUNG CẤP KHOÁ 18**

*(Ban hành kèm theo Thông báo số: 581/TB- CDKTCN ngày 02 tháng 10 năm 2025  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang )*

| STT | Mã SV       | Họ đệm           | Tên   | Ngày sinh  | Lớp học    | Mức học phí | Số tiền MG | Phải nộp  |
|-----|-------------|------------------|-------|------------|------------|-------------|------------|-----------|
| 1   | TCCBMA18A34 | Nguyễn Thị Thanh | Trà   | 13/05/2009 | TC-CBMA18A | 4.500.000   |            | 4.500.000 |
| 2   | TCCBMA18C28 | Lê Minh          | Tiến  | 01/12/2006 | TC-CBMA18C | 4.500.000   |            | 4.500.000 |
| 3   | TCCGKL18A04 | Thái Thành       | Nhân  | 05/08/2008 | TC-CGKL18  | 4.500.000   |            | 4.500.000 |
| 4   | TCCNOT18A30 | Đặng Hoàng       | Phúc  | 02/10/2009 | TC-CNOT18A | 4.500.000   |            | 4.500.000 |
| 5   | TCCNOT18C20 | Trần Tiến        | Lợi   | 06/02/2006 | TC-CNOT18C | 4.500.000   | 3.150.000  | 1.350.000 |
| 6   | TCCNOT18C37 | Hoàng Ngọc       | Thịnh | 11/07/2009 | TC-CNOT18C | 4.500.000   |            | 4.500.000 |
| 7   | TCCNTT18A24 | Phạm Ngọc        | Tuyền | 28/06/2009 | TC-CNTT18A | 4.500.000   |            | 4.500.000 |
| 8   | TCCNTT18A25 | Huỳnh Mỹ         | Tường | 17/04/2008 | TC-CNTT18A | 4.500.000   |            | 4.500.000 |
| 9   | TCDICN18A14 | Phan Trương      | Huy   | 05/05/2008 | TC-ĐCN18   | 4.500.000   |            | 4.500.000 |
| 10  | TCNVNH18A09 | Võ Minh          | Hoàng | 09/05/2008 | TC-NVNH18  | 4.000.000   |            | 4.000.000 |
| 11  | TCNVNH18A16 | Nguyễn Thiên     | Phước | 15/07/2007 | TC-NVNH18  | 4.000.000   |            | 4.000.000 |
| 12  | TCNVNH18A21 | Nguyễn Thị Thanh | Tuyền | 29/05/2006 | TC-NVNH18  | 4.000.000   |            | 4.000.000 |
| 13  | TCQTKS18B15 | Phan Ngọc Bảo    | Hân   | 08/03/2007 | TC-QTKS18B | 4.000.000   |            | 4.000.000 |
| 14  | TCQTKS18B26 | Nguyễn Kiều      | Oanh  | 01/09/2009 | TC-QTKS18B | 4.000.000   |            | 4.000.000 |
| 15  | TCHDDL18A05 | Lý Kiều Đăng     | Khoa  | 02/10/2006 | TC-HDDL18A | 4.000.000   |            | 4.000.000 |

Danh sách này có **15** HS